Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD
Số: 1251 /QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy Học kỳ I năm học 2026-2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ - TTg ngày 02/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế và QTKD thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29/4/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Tờ trình của phòng Kế hoạch - Tài chính ngày 24/9/2026 về mức trích lập quỹ học bổng KKHT học kỳ I năm học 2026-2027 và Tờ trình của phòng Công tác HSSV về học bổng KKHT năm học 2026-2027 đã được Hiệu trưởng phê duyệt;

Căn cứ Kết quả học tập và rèn luyện học kỳ II năm học 2025-2026 của sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét học bổng và chế độ chính sách cho sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh họp ngày 08/10/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2026 - 2027 cho **472** sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy. Cụ thể như sau:

- Mức học bổng loại Xuất sắc: 46 sinh viên
- Mức học bổng loại Giỏi: 85 sinh viên
- Mức học bổng loại Khá: 341 sinh viên

Tổng số tiền học bổng KKHT cấp trong kỳ là: **4.020.820.000đ**

(Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm hai mươi triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng)

(Có danh sách và mức tiền cụ thể kèm theo)

Điều 2. Thời gian cấp học bổng KKHT thực hiện trong học kỳ I năm học 2026-2027.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các Khoa/Viện, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

PGS.TS. Đinh Hồng Linh

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1251 /ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14 tháng 10 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

TT	Khoa/Viện	Loại Xuất sắc (SV)	Loại Giỏi (SV)	Loại Khá (SV)	Tổng số SV	Tổng số tiền (đồng)
1	Khoa Kế toán	9	18	65	92	739.220.000
2	Khoa Kinh doanh và Logistics	11	22	86	119	1.056.565.000
3	Khoa Kinh tế số	3	6	23	32	279.800.000
4	Khoa Luật và Quản lý	7	14	56	77	680.775.000
5	Khoa Marketing và Du lịch	9	14	67	90	725.085.000
6	Khoa Ngân hàng – Tài chính	4	8	30	42	366.975.000
7	Viện Quốc tế Giáo dục và Đổi mới	3	3	14	20	172.400.000
	Tổng cộng	**46**	**85**	**341**	**472**	**4.020.820.000**

Phạm Thu Hương_ 10:26 23/10/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027
KHOA KẾ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 20											
1	DTE2353403010031	Tạ Tuấn	Anh	04/08/2005	K20 - KẾ TOÁN A	4,00	1,00	5,00	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000	
2	DTE2353403010320	Đỗ Ngọc	Yến	08/08/2005	K20 - KẾ TOÁN D	4,00	0,99	4,99	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000	9.26
3	DTE2353403010304	Đào Đức	Tú	21/09/2005	K20 - KẾ TOÁN D	4,00	0,99	4,99	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	8.94
4	DTE2353403010046	Nguyễn Phương	Chi	01/05/2005	K20 - KẾ TOÁN C	4,00	0,97	4,97	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
5	DTE2353403010339	Quan Thị	Luyến	20/01/2005	K20 - KẾ TOÁN C	4,00	0,90	4,90	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
6	DTE2353403010119	Trịnh Thị Mai	Hương	25/03/2005	K20 - KẾ TOÁN C	4,00	0,90	4,90	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
7	DTE2353403010355	Trần Thị	Thắm	05/01/2005	K20 - KẾ TOÁN D	4,00	0,90	4,90	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
8	DTE2353403010026	Nguyễn Thị Vân	Anh	03/11/2005	K20 - KẾ TOÁN A	4,00	0,90	4,90	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
9	DTE2353403010067	Nông Thị Thu	Hà	01/03/2005	K20 - KẾ TOÁN B	3,89	0,99	4,88	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
10	DTE2353403010369	Phạm Quang	Khải	11/12/2005	K20 - KẾ TOÁN D	3,89	0,98	4,87	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
11	DTE2353403010268	Hoàng Phương	Thảo	17/04/2005	K20 - KẾ TOÁN C	3,89	0,98	4,87	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
12	DTE2353403010109	Đinh Ngọc Minh	Hồng	10/07/2005	K20 - KẾ TOÁN A	4,00	0,86	4,86	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
13	DTE2353403010244	Nguyễn Lệ	Quyên	18/07/2005	K20 - KẾ TOÁN C	3,83	0,98	4,81	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
14	DTE2353403010151	Đỗ Thị Dương	Liễu	15/10/2005	K20 - KẾ TOÁN A	3,83	0,98	4,81	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
15	DTE2353403010308	Mạc Thị Hoài	Vân	25/09/2005	K20 - KẾ TOÁN D	4,00	0,81	4,81	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
16	DTE2353403010140	Vũ Thị Thanh	Huyền	12/11/2005	K20 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	3,82	0,98	4,80	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
17	DTE2353403010356	Đặng Thị	Thương	27/04/2005	K20 - KẾ TOÁN D	3,89	0,90	4,79	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
18	DTE2353403010187	Đoàn Thị	Mây	23/12/2005	K20 - KẾ TOÁN B	3,89	0,90	4,79	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
19	DTE2353403010331	Lương Phương	Hoa	06/10/2005	K20 - KẾ TOÁN B	3,83	0,96	4,79	Khá	1.595.000	5	7.975.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
20	DTE2353403010080	Nguyễn Hồng	Hạnh	04/05/2005	K20 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	3,82	0,97	4,79	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
21	DTE2353403010102	Hoàng Thị	Hoài	23/09/2005	K20 - KẾ TOÁN B	3,89	0,89	4,78	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
22	DTE2353403010186	Đỗ Phương	Mai	22/03/2005	K20 - KẾ TOÁN A	3,81	0,96	4,77	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
23	DTE2353403010343	Hoàng Thị	Thanh	11/06/2005	K20 - KẾ TOÁN D	3,89	0,87	4,76	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
24	DTE2353403010099	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	21/09/2005	K20 - KẾ TOÁN B	3,89	0,87	4,76	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
25	DTE2353403010295	Vũ Quỳnh	Trang	27/11/2005	K20 - KẾ TOÁN D	3,83	0,90	4,73	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
26	DTE2353403010136	Lương Thị	Huyền	04/04/2005	K20 - KẾ TOÁN C	3,83	0,90	4,73	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
27	DTE2353403010007	Trần Thị	Lý	19/11/2005	K20 - KẾ TOÁN C	3,83	0,90	4,73	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
28	DTE2353403010038	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	09/09/2005	K20 - KẾ TOÁN B	3,72	1,00	4,72	Khá	1.595.000	5	7.975.000	9.13
		Cộng I										**228.300.000**	
		II - KHÓA 21											
1	DTE2453403010284	Dương Thị	Phương	04/11/2006	K21 - KẾ TOÁN D	4,00	1,00	5,00	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
2	DTE2453403010176	Nghiêm Hồng	Ngọc	02/10/2006	K21 - KẾ TOÁN D	3,83	1,00	4,83	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
3	DTE2453403010153	Nguyễn Ngọc	Mai	02/07/2006	K21 - KẾ TOÁN A	3,83	0,99	4,82	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
4	DTE2453403010292	Nguyễn Lưu Huyền	Trang	12/11/2006	K21 - KẾ TOÁN B	3,83	0,90	4,73	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
5	DTE2453403010046	Nguyễn Hương	Giang	02/06/2006	K21 - KẾ TOÁN A	3,67	1,00	4,67	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
6	DTE2453403010023	Dương Thị	Bình	21/02/2006	K21 - KẾ TOÁN A	3,67	1,00	4,67	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
7	DTE2453403010199	Lê Thu	Phương	18/07/2006	K21 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	3,67	0,99	4,66	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
8	DTE2453403010114	Nguyễn Thị Bích	Liên	21/10/2006	K21 - KẾ TOÁN C	3,67	0,95	4,62	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
9	DTE2453403010001	Trịnh Đỗ Thuận	An	03/06/2006	K21 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	3,67	0,91	4,58	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
10	DTE2453403010077	Nguyễn Thu	Hoài	29/07/2005	K21 - KẾ TOÁN B	3,67	0,90	4,57	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
11	DTE2453403010233	Lê Thu	Thủy	08/08/2006	K21 - KẾ TOÁN A	3,67	0,87	4,54	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
12	DTE2453403010269	Dương Thu	Hoài	19/07/2006	K21 - KẾ TOÁN A	3,67	0,87	4,54	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
13	DTE2453403010266	Thân Thị Ngọc	Hoa	27/11/2006	K21 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	3,50	0,95	4,45	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
14	DTE2453403010288	Nguyễn Thị Phương	Thùy	05/11/2006	K21 - KẾ TOÁN B	3,67	0,78	4,45	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
15	DTE2453403010287	Nguyễn Thanh	Thảo	19/05/2006	K21 - KẾ TOÁN B	3,67	0,78	4,45	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
16	DTE2453403010208	Hoàng Thị	Quyên	15/10/2006	K21 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	3,50	0,91	4,41	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
17	DTE2453403010327	Đào Thị Tô	Thắm	25/03/2005	K21 - KẾ TOÁN C	3,50	0,90	4,40	Khá	1.556.000	5	7.780.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
18	DTE2453403010098	Doãn Thị Khánh	Huyền	15/11/2006	K21 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	3,50	0,87	4,37	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
19	DTE2453403010180	Lê Hồng	Ngọc	19/02/2006	K21 - KẾ TOÁN A	3,50	0,86	4,36	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
20	DTE2453403010174	Nguyễn Minh	Ngọc	20/07/2006	K21 - KẾ TOÁN D	3,33	0,99	4,32	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
21	DTE2453403010034	Hoàng Thị Thanh	Diệp	20/03/2006	K21 - KẾ TOÁN B	3,50	0,81	4,31	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
22	DTE2453403010047	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	16/08/2006	K21 - KẾ TOÁN B	3,33	0,98	4,31	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
23	DTE2453403010022	Ngô Thị	Bích	04/11/2006	K21 - KẾ TOÁN C	3,33	0,98	4,31	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
24	DTE2453403010271	Phạm Thúy	Hường	12/07/2006	K21 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	3,40	0,87	4,27	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
25	DTE2453403010100	Vũ Thị Thanh	Huyền	15/10/2006	K21 - KẾ TOÁN C	3,33	0,93	4,26	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
26	DTE2453403010223	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/06/2006	K21 - KẾ TOÁN A	3,33	0,93	4,26	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
27	DTE2453403010020	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/08/2006	K21 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	3,33	0,91	4,24	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
		Cộng II										**215.560.000**	
		III - KHÓA 22											
1	DTE2553403010394	Mai Thu	Thảo	04/11/2007	K22 - Kế toán 6	4,00	0,92	4,92	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
2	DTE2553403010137	Nguyễn Thị	Mây	03/07/1999	K22 - Kế toán 2	4,00	0,90	4,90	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
3	DTE2553403010230	Đàm Thị Phương	Yến	02/09/2006	K22 - Kế toán 2	4,00	0,90	4,90	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
4	DTE2553403010371	Lê Hoàng Lan	Nhi	11/07/2007	K22 - Kế toán 6	3,82	1,00	4,82	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
5	DTE2553403010429	Phạm Quỳnh	Chi	02/09/2007	K22 - Kế toán 2	3,88	0,90	4,78	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
6	DTE2553403010123	Kim Thị Hoài	Linh	21/01/2007	K22 - Kế toán 7	3,82	0,93	4,75	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
7	DTE2553403010350	Vũ Ngân	Khánh	04/08/2007	K22 - Kế toán 6	3,82	0,92	4,74	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
8	DTE2553403010384	Đỗ Thị Ánh	Xuân	12/03/2007	K22 - Kế toán 7	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
9	DTE2553403010027	Hoàng Quỳnh	Chi	27/12/2007	K22 - Kế toán 2	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
10	DTE2553403010216	Tạ Thị	Trang	15/10/2007	K22 - Kế toán 3	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
11	DTE2553403010367	Bùi Thị Thanh	Ngát	25/08/2007	K22 - Kế toán 6	3,82	0,89	4,71	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
12	DTE2553403010234	Vi Thị	Yến	09/05/2006	K22 - Kế toán 2	3,79	0,90	4,69	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
13	DTE2553403010338	Sầm Thị Ngọc	Ánh	04/08/2007	K22 - Kế toán 6	3,82	0,86	4,68	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
14	DTE2553403010087	Trần Thị Thu	Huyên	08/02/2007	K22 - Kế toán 7	3,82	0,86	4,68	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
15	DTE2553403010381	Nguyễn Thị	Tính	05/02/2007	K22 - Kế toán 6	3,82	0,84	4,66	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
16	DTE2553403010045	Bùi Thu	Hà	19/10/2006	K22 - Kế toán 1	3,71	0,95	4,66	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
17	DTE2553403010067	Trần Quỳnh	Hoa	24/12/2007	K22 - Kế toán 3	3,65	0,97	4,62	Khá	1.556.000	5	7.780.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
18	DTE2553403010146	Phạm Bích	Ngọc	12/12/2007	K22 - Kế toán 2	3,71	0,90	4,61	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
19	DTE2553403010359	Nguyễn Thị	Lý	09/05/2007	K22 - Kế toán 6	3,71	0,85	4,56	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
20	DTE2553403010301	Hoàng Thị Sinh	Sắc	09/01/2007	K22 - Kế toán 5	3,71	0,84	4,55	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
21	DTE2553403010388	Ma Thị Thúy	Hường	13/01/2007	K22 - Kế toán 7	3,65	0,88	4,53	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
22	DTE2553403010400	Vương Quỳnh	Châm	19/10/2007	K22 - Kế toán 6	3,53	1,00	4,53	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
23	DTE2553403010281	Đồng Thị Bích	Ngọc	30/10/2007	K22 - Kế toán 4	3,71	0,81	4,52	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
24	DTE2553403010410	Nguyễn Nhật	Yến	28/12/2007	K22 - Kế toán 6	3,53	0,99	4,52	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
25	DTE2553403010091	Nguyễn Ngọc	Huyền	27/12/2007	K22 - Kế toán 4	3,65	0,83	4,48	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
26	DTE2553403010112	Vi Thị Khánh	Linh	21/09/2007	K22 - Kế toán 2	3,65	0,80	4,45	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
27	DTE2553403010053	Hoàng Thị Bích	Hạnh	25/02/2007	K22 - Kế toán 1	3,59	0,86	4,45	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
28	DTE2553403010337	Nguyễn Bảo	Phượng	30/03/2007	K22 - Kế toán 7	3,53	0,92	4,45	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
29	DTE2553403010172	Nhâm Thị Minh	Phương	19/01/2007	K22 - Kế toán 2	3,53	0,90	4,43	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
30	DTE2553403010413	Nguyễn Huyền	Ngọc	18/06/2007	K22 - Kế toán 3	3,53	0,90	4,43	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
31	DTE2553403010129	Trương Khánh	Ly	31/12/2007	K22 - Kế toán 3	3,53	0,90	4,43	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
32	DTE2553403010050	Đỗ Ngọc	Hân	26/06/2007	K22 - Kế toán 3	3,53	0,85	4,38	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
33	DTE2553403010439	Hoàng Thị Thu	Huyền	26/06/2007	K22 - Kế toán 4	3,53	0,85	4,38	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
34	DTE2553403010096	Đặng Mùi	Khe	24/11/1995	K22 - Kế toán 3	3,47	0,90	4,37	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
35	DTE2553403010300	Nguyễn Thúy	Quỳnh	17/05/2007	K22 - Kế toán 4	3,53	0,83	4,36	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
36	DTE2553403010471	Nguyễn Phương	Quỳnh	17/01/2006	K22 - Kế toán 4	3,53	0,83	4,36	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
37	DTE2553403010214	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/07/2007	K22 - Kế toán 4	3,53	0,81	4,34	Khá	1.556.000	5	7.780.000	8.48
		Cộng III										**295.360.000**	
		Tổng cộng (I + II + III)										**739.220.000**	

(Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng)

Danh sách gồm 92 sinh viên

Học bổng loại Xuất sắc:	9 sinh viên
Học bổng loại Giỏi:	18 sinh viên
Học bổng loại Khá:	65 sinh viên
Cộng	**92 sinh viên**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027
KHOA KINH DOANH VÀ LOGISTICS

(Kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 20											
1	DTE2353401010222	Hoàng Thanh	Phương	24/11/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	4,00	0,90	4,90	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000	
2	DTE2355106050002	Lê Đức	Anh	21/10/2005	K20 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,81	0,99	4,80	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000	
3	DTE2353401010139	Bàn Thị Thu	Phương	23/10/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,81	0,96	4,77	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
4	DTE2353401010099	Nguyễn Thị Kim	Luyến	01/06/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,63	0,98	4,61	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
5	DTE2353401010112	Bùi Nhật	Minh	28/07/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,63	0,98	4,61	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
6	DTE2353401010063	Đào Thu	Hương	07/05/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,63	0,95	4,58	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
7	DTE2353401010216	Tô Thị Lan	Anh	17/12/2002	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3,63	0,90	4,53	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
8	DTE2353401010095	Trương Thị Phương	Loan	12/01/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3,50	0,95	4,45	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
9	DTE2355106050060	Nguyễn Thị Anh	Phương	01/04/2005	K20 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG B	3,50	0,93	4,43	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
10	DTE2355106050048	Vũ Ngọc	Ngà	20/06/2005	K20 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,44	0,98	4,42	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
11	DTE2353401010122	Đồng Thảo	Nguyên	19/07/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,44	0,96	4,40	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
12	DTE2353401010108	Bùi Thị Tuyết	Mai	02/05/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,36	0,98	4,34	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
13	DTE2355106050085	Ngô Yến	Vi	05/09/2005	K20 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG B	3,36	0,92	4,28	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
14	DTE2353401200015	Tạ Bích	Ngọc	19/11/2005	K20 - KINH DOANH QUỐC TẾ	3,44	0,82	4,26	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
15	DTE2353401010073	Hà Thị Minh	Huyền	16/09/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3,44	0,81	4,25	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
16	DTE2355106050041	Nguyễn Thị Khánh	Ly	20/12/2005	K20 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,44	0,81	4,25	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
17	DTE2353401200006	Trần Thanh	Hà	30/03/2005	K20 - KINH DOANH QUỐC TẾ	3,31	0,94	4,25	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
18	DTE2353401010088	Hoàng Điệp	Linh	09/08/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,31	0,90	4,21	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
19	DTE2353401010248	Ngô Thu	Huyền	08/06/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	3,36	0,82	4,18	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
20	DTE2353401010133	Trương Văn	Phú	16/07/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,44	0,73	4,17	Khá	1.595.000	5	7.975.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
21	DTE2355106050039	Trần Mỹ	Linh	19/03/2005	K20 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,36	0,80	4,16	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
22	DTE2353401010176	Trần Thị Hoa	Trà	04/05/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3,31	0,85	4,16	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
23	DTE2355106050074	Nguyễn Bảo	Thư	30/10/2005	K20 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG B	3,25	0,91	4,16	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
24	DTE2355106050054	Phạm Thị Bích	Nguyệt	09/09/2005	K20 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,36	0,80	4,16	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
25	DTE2355106050015	Vũ Thị Thùy	Dung	19/11/2005	K20 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,31	0,84	4,15	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
26	DTE2353401200024	Nguyễn Hoàng	Đan	18/09/2005	K20 - KINH DOANH QUỐC TẾ	3,19	0,95	4,14	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
27	DTE2353401010109	Nguyễn Quỳnh	Mai	12/08/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,14	0,98	4,12	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
		Cộng I										**219.825.000**	
		II - KHÓA 21 (QTKD, KDQT)											
1	DTE2453401010118	Vũ Thị	Ngân	05/03/2004	K21 - KINH DOANH SỐ	4,00	0,87	4,87	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
2	DTE2453401010045	Đào Thị Hồng	Hân	18/09/2006	K21 - KINH DOANH SỐ	3,71	1,00	4,71	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
3	DTE2453401010215	Bùi Thanh	Thảo	05/04/2006	K21 - KINH DOANH SỐ	3,71	0,90	4,61	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
4	DTE2453401010138	Hà Ngọc Như	Quỳnh	10/09/2005	K21 - KINH DOANH SỐ	3,71	0,90	4,61	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
5	DTE2453401010109	Nguyễn Tuấn	Mạnh	08/08/2003	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3,80	0,81	4,61	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
6	DTE2453401010173	Đặng Thị Bích	Tuyến	20/12/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
7	DTE2453401010094	Dương Thị Phương	Lan	27/09/2006	K21 - KINH DOANH SỐ	3,71	0,83	4,54	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
8	DTE2453401010111	Nguyễn Bình	Minh	20/10/2006	K21 - KINH DOANH SỐ	3,80	0,73	4,53	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
9	DTE2453401010166	Lê Thị	Trang	05/05/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3,71	0,80	4,51	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
10	DTE2453401010180	Nguyễn Thị Nhật	Vi	08/02/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3,71	0,80	4,51	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
11	DTE2453401010055	Trần Thanh	Hiển	18/07/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3,65	0,86	4,51	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
12	DTE2453401010224	Lê Ngọc	Lan	09/08/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,65	0,81	4,46	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
13	DTE2453401010008	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	02/04/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,65	0,81	4,46	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
14	DTE2453401010157	Phạm Thị Hồng	Thúy	04/10/2006	K21 - KINH DOANH SỐ	3,53	0,93	4,46	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
15	DTE2453401010204	Lê Thị Thanh	Mai	16/05/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	3,65	0,80	4,45	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
16	DTE2453401200013	Chu Thị	Thanh	10/08/2006	K21 - KINH DOANH QUỐC TẾ	3,65	0,80	4,45	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
17	DTE2453401010153	Nguyễn Thị	Thoa	21/08/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	3,53	0,86	4,39	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
18	DTE2453401010102	Tạ Thị Mai	Linh	19/06/2006	K21 - KINH DOANH SỐ	3,53	0,81	4,34	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
		Cộng II										**161.000.000**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		III - KHÓA 21 (LOGISTICS)											
1	DTE2455106050071	Dương Thanh	Nga	30/01/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,82	0,90	4,72	Xuất sắc	2.039.000	5	10.195.000	8.86
2	DTE2455106050057	Đỗ Nhật Khánh	Linh	15/09/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG B	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.939.000	5	9.695.000	8.52
3	DTE2455106050050	Lường Ngọc	Kim	15/06/2003	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,82	0,85	4,67	Giỏi	1.939.000	5	9.695.000	
4	DTE2455106050135	Trần Thanh	Bình	06/12/2005	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,47	0,99	4,46	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
5	DTE2455106050113	Phạm Hà	Trang	27/08/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG B	3,63	0,81	4,44	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
6	DTE2455106050025	Nguyễn Thị Quỳnh	Dương	11/08/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,47	0,90	4,37	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
7	DTE2455106050004	Ngô Thị Kim	Anh	25/10/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG B	3,35	0,92	4,27	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
8	DTE2455106050138	Đào Thị Thu	Hà	12/08/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,47	0,80	4,27	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
9	DTE2455106050065	Dương Thị	Luyến	26/08/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,35	0,80	4,15	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
10	DTE2455106050032	Trần Thị	Hà	10/06/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG B	3,29	0,82	4,11	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
11	DTE2455106050134	Nguyễn Ngọc	Bích	15/06/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,29	0,80	4,09	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
12	DTE2455106050115	Phạm Thị Đoan	Trang	18/03/2006	K21 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG A	3,29	0,80	4,09	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
		Cộng III										**112.340.000**	
		IV - KHÓA 22 (QTKD, KDQT, TMĐT)											
1	DTE2553401200018	Dương Thị Anh	Thư	20/05/2007	K22 - Kinh doanh quốc tế	4,00	0,95	4,95	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
2	DTE2553401200038	Dương Huệ	Thư	08/08/2004	K22 - Kinh doanh quốc tế	4,00	0,95	4,95	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
3	DTE2553401010332	Nguyễn Thị	Chinh	19/04/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 5	3,88	0,95	4,83	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
4	DTE2553401010260	Nguyễn Thị Phương	Thùy	23/11/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 4	3,82	0,99	4,81	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
5	DTE2553401010207	Vũ Quỳnh	Hương	02/10/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 4	3,82	0,98	4,80	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
6	DTE2553401010376	Dương Phương	Anh	03/06/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 2	3,82	0,98	4,80	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
7	DTE2553401220023	Phạm Trà	My	05/07/2007	K22 - Thương mại điện tử 1	3,82	0,95	4,77	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
8	DTE2553401220075	Ngô Thanh	Mai	19/07/2007	K22 - Thương mại điện tử 1	3,82	0,95	4,77	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
9	DTE2553401220082	Phạm Khánh	Thư	17/11/2007	K22 - Thương mại điện tử 1	3,82	0,93	4,75	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
10	DTE2553401010281	Lăng Thị	Ngọc	30/09/2003	K22 - Quản trị Kinh doanh 5	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
11	DTE2553401010057	Dương Thị	Hương	02/01/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 1	3,88	0,82	4,70	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
12	DTE2553401010086	Nguyễn Thanh	Mai	26/09/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 3	3,71	0,96	4,67	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
13	DTE2553401010142	Nguyễn Trần Bảo	Trâm	25/08/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 1	3,82	0,82	4,64	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
14	DTE2553401010199	Vy Thị	Hiệp	28/05/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 6	3,71	0,93	4,64	Khá	1.750.000	5	8.750.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
15	DTE2553401010409	Giáp Thị Thuỳ	Linh	15/11/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 4	3,65	0,97	4,62	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
16	DTE2553401200024	Ngô Phương	Lan	27/12/2007	K22 - Kinh doanh quốc tế	3,65	0,97	4,62	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
17	DTE2553401220080	Hoàng Thị Phương	Thảo	03/06/2007	K22 - Thương mại điện tử 1	3,71	0,90	4,61	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
18	DTE2553401010119	Lương Thị Hương	Quỳnh	27/10/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 2	3,71	0,90	4,61	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
19	DTE2553401200026	Lê Khánh	Ly	24/03/2006	K22 - Kinh doanh quốc tế	3,71	0,90	4,61	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
20	DTE2553401200031	Ngô Thị Khánh	Ly	28/12/2007	K22 - Kinh doanh quốc tế	3,65	0,93	4,58	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
21	DTE2553401010302	Triệu Khánh	Hương	09/02/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 5	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
22	DTE2553401010326	Lã Linh	Đan	05/02/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 5	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
23	DTE2553401200006	Ngô Thị	Hằng	03/07/2007	K22 - Kinh doanh quốc tế	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
24	DTE2553401010100	Tô Thúy	Nghiệp	22/11/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 3	3,65	0,89	4,54	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
25	DTE2553401010058	Bùi Thúy	Hường	28/02/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 3	3,65	0,89	4,54	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
26	DTE2553401010087	Triệu Quý	Mạnh	27/11/2006	K22 - Quản trị Kinh doanh 1	3,71	0,82	4,53	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
27	DTE2553401010358	Nguyễn Thùy	Dương	28/11/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 1	3,53	0,97	4,50	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
28	DTE2553401010083	Đặng Thanh	Mai	24/06/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 6	3,53	0,92	4,45	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
29	DTE2553401010218	Vũ Diệu	Linh	07/01/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 5	3,64	0,80	4,44	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
30	DTE2553401010345	Trịnh Anh	Tuấn	26/08/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 5	3,53	0,90	4,43	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
31	DTE2553401010070	Nguyễn Phương	Linh	28/06/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 2	3,53	0,90	4,43	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
32	DTE2553401220107	Phạm Thúy	Hằng	08/02/2007	K22 - Thương mại điện tử 2	3,53	0,90	4,43	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
33	DTE2553401200021	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	27/01/2007	K22 - Kinh doanh quốc tế	3,53	0,90	4,43	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
34	DTE2553401010001	Nguyễn Thị	An	17/08/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 3	3,53	0,89	4,42	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
35	DTE2553401010405	Nguyễn Thị Yến	Nhi	29/03/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 6	3,50	0,90	4,40	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
36	DTE2553401220092	Lý Thị	Vân	01/09/2007	K22 - Thương mại điện tử 2	3,53	0,85	4,38	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
37	DTE2553401010137	Bao Thị	Thủy	03/07/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 3	3,53	0,85	4,38	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
38	DTE2553401010017	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/02/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 3	3,47	0,91	4,38	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
39	DTE2553401200011	Nguyễn Ngọc	Linh	06/06/2007	K22 - Kinh doanh quốc tế	3,47	0,90	4,37	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
40	DTE2553401010253	Nguyễn Phương	Thảo	03/06/2007	K22 - Quản trị Kinh doanh 4	3,47	0,89	4,36	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
41	DTE2553401220073	Nguyễn Thị	Lan	10/08/2007	K22 - Thương mại điện tử 1	3,41	0,95	4,36	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
42	DTE2553401220047	Hoàng Thị Ngọc	Hoa	09/08/2007	K22 - Thương mại điện tử 1	3,35	1,00	4,35	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
		Cộng IV										**375.500.000**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		V - KHÓA 22 (LOGISTICS)											
1	DTE2555106050260	Đặng Xuân	Thành	09/07/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 4	4,00	0,96	4,96	Xuất sắc	2.039.000	5	10.195.000	
2	DTE2555106050081	Nguyễn Phương	Anh	17/06/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 2	4,00	0,92	4,92	Xuất sắc	2.039.000	5	10.195.000	
3	DTE2555106050068	Hoàng Thị Thanh	Toán	18/04/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 2	3,88	0,90	4,78	Giỏi	1.939.000	5	9.695.000	
4	DTE2555106050149	Nguyễn Hà	Anh	21/11/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	3,88	0,90	4,78	Giỏi	1.939.000	5	9.695.000	
5	DTE2555106050199	Đào Thị	Hoài	07/08/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 4	3,82	0,95	4,77	Giỏi	1.939.000	5	9.695.000	
6	DTE2555106050059	Dương Thị Như	Quỳnh	27/09/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 4	3,82	0,94	4,76	Giỏi	1.939.000	5	9.695.000	
7	DTE2555106050028	Phạm Thanh	Hương	16/11/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 4	3,82	0,92	4,74	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
8	DTE2555106050216	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/03/2005	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 2	3,82	0,90	4,72	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
9	DTE2555106050181	Nguyễn Thị	Thoa	25/10/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	3,71	0,95	4,66	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
10	DTE2555106050136	Nguyễn Thị Phương	Trâm	09/07/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 2	3,71	0,92	4,63	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
11	DTE2555106050175	Dương Thị	Phương	06/12/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 3	3,65	0,95	4,60	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
12	DTE2555106050084	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/03/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 3	3,65	0,95	4,60	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
13	DTE2555106050179	Khuất Quang	Thái	23/07/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 4	3,65	0,90	4,55	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
14	DTE2555106050143	Nguyễn Thị Hải	Yến	10/11/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 3	3,65	0,90	4,55	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
15	DTE2555106050007	Tạ Gia	Bảo	23/12/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 4	3,53	0,96	4,49	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
16	DTE2555106050170	Bùi Thị Trà	My	23/03/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	3,53	0,92	4,45	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
17	DTE2555106050057	Nguyễn Thị	Phượng	15/11/2005	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	3,53	0,90	4,43	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
18	DTE2555106050077	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/04/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1	3,53	0,90	4,43	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
19	DTE2555106050226	Hà Thị	Ánh	03/03/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 3	3,53	0,90	4,43	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
20	DTE2555106050123	Hà Vũ Nguyên	Phương	06/05/2007	K22 - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 3	3,53	0,90	4,43	Khá	1.839.000	5	9.195.000	
		Cộng V										**187.900.000**	
		Cộng (I + II + III +IV+V)										**1.056.565.000**	

(Bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

Danh sách gồm: 119 sinh viên

Học bổng loại Xuất sắc:	11 sinh viên
Học bổng loại Giỏi:	22 sinh viên
Học bổng loại Khá:	86 sinh viên
Cộng	**119 sinh viên**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027
KHOA KINH TẾ SỐ

(Kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 20											
1	DTE2353101010059	Lê Huy	Dũng	09/12/2005	K20 - KINH TẾ	4,00	1,00	5,00	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000	
2	DTE2353101040006	Phan Hồng	Hạnh	11/12/2005	K20 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3,88	0,96	4,84	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
3	DTE2353101010045	Trần Thị	Tuyền	29/11/2005	K20 - KINH TẾ	3,81	0,98	4,79	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
4	DTE2353101010006	Phạm Trọng	Dân	10/01/2005	K20 - KINH TẾ	3,81	0,98	4,79	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
5	DTE2353101040035	Nguyễn Thiện	Vui	06/02/2005	K20 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3,81	0,97	4,78	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
6	DTE2353401010068	Lỗ Thị Thu	Huyền	18/08/2005	K20 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3,69	1,00	4,69	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
7	DTE2353101040017	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	21/11/2005	K20 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3,69	0,96	4,65	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
8	DTE2353101040024	Lương Thị	Nhung	23/04/2005	K20 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3,69	0,81	4,50	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
		Cộng I										**65.300.000**	
		II - KHÓA 21											
1	DTE2453101040008	Hoàng Thanh	Hoàn	26/03/2006	K21 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3,88	0,97	4,85	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
2	DTE2453101010012	Trương Thị Vân	Giang	05/05/2006	K21 - KINH TẾ SỐ	3,82	0,97	4,79	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
3	DTE2453101010033	Doanh Thị	Nguyền	03/08/2003	K21 - KINH TẾ SỐ	3,82	0,95	4,77	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	8.80
4	DTE2453101040040	Vũ Thị Cẩm	Ly	29/09/2006	K21 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3,82	0,95	4,77	Khá	1.750.000	5	8.750.000	8.76
5	DTE2453101050006	Bùi Thái	Nam	21/08/2005	21 - KINH TẾ PHÁT TRIỂ	3,82	0,71	4,53	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
6	DTE2453101010057	Lôi Thị	Yến	24/04/2006	K21 - KINH TẾ SỐ	3,53	0,96	4,49	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
7	DTE2453101010011	Dương Thị Mỹ	Duyên	16/11/2006	K21 - KINH TẾ	3,53	0,95	4,48	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
8	DTE2453101040014	Nguyễn Thị Trà	My	06/05/2006	K21 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3,65	0,81	4,46	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
9	DTE2453101010044	Dương Minh	Quang	21/11/2006	K21 - KINH TẾ SỐ	3,53	0,91	4,44	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
10	DTE2453101040021	Bạch Thùy	Ninh	13/05/2006	K21 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	3,53	0,90	4,43	Khá	1.750.000	5	8.750.000	8.35
		Cộng II										**89.500.000**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		III - KHÓA 22											
1	DTE2553101010033	Ngô Thị	Nguyên	08/03/2007	K22 - Kinh tế 1	3,71	0,95	4,66	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
2	DTE2553101010108	Trần Thu	Hiền	14/03/2007	K22 - Kinh tế 1	3,65	0,91	4,56	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
3	DTE2553101010021	Phạm Thị Hà	Linh	06/10/2007	K22 - Kinh tế 1	3,65	0,90	4,55	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
4	DTE2553101010023	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/12/2004	K22 - Kinh tế 1	3,59	0,96	4,55	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
5	DTE2553101050014	Bùi Thanh	Huyền	08/10/2007	K22 - Kinh tế phát triển	3,71	0,82	4,53	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
6	DTE2553101040022	Hầu Thị Mai	Phương	04/11/2007	K22 - Kinh tế đầu tư	3,53	0,96	4,49	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
7	DTE2553101050007	Hoàng	Ngân	14/09/2007	K22 - Kinh tế phát triển	3,53	0,96	4,49	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
8	DTE2553101010039	Đặng Hoài	Thương	01/12/2007	K22 - Kinh tế 1	3,53	0,90	4,43	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
9	DTE2553101010005	Trần Tuấn	Anh	02/11/2007	K22 - Kinh tế 1	3,53	0,90	4,43	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
10	DTE2553101050011	Dương Phương	Quỳnh	16/12/2007	K22 - Kinh tế phát triển	3,47	0,91	4,38	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
11	DTE2553101040003	Dương Trần Quế	Hoa	31/08/2007	K22 - Kinh tế đầu tư	3,41	0,90	4,31	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
12	DTE2553101010102	Nguyễn Lan	Anh	08/12/2007	K22 - Kinh tế 2	3,41	0,89	4,30	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
13	DTE2553101040005	Đỗ Yến	Nhi	15/07/2007	K22 - Kinh tế đầu tư	3,35	0,90	4,25	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
14	DTE2553101010095	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/07/2007	K22 - Kinh tế 2	3,29	0,95	4,24	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
		Cộng III										**125.000.000**	
		Tổng cộng (I + II + III)										**279.800.000**	

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng)

Danh sách gồm 32 sinh viên

Học bổng loại Xuất sắc:	3 sinh viên
Học bổng loại Giỏi:	6 sinh viên
Học bổng loại Khá:	23 sinh viên
Cộng	**32 sinh viên**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027
KHOA LUẬT VÀ QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số 1251 /QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I- KHÓA 20											
1	DTE2353801070079	Nông Thùy	Trang	03/12/2005	K20 - LUẬT KINH TẾ	4,00	1,00	5,00	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000	
2	DTE2353801070029	Hà Thảo	Ly	18/09/2005	K20 - LUẬT KINH TẾ	4,00	0,95	4,95	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
3	DTE2353801070025	Nguyễn Ngọc	Lan	01/01/2005	K20 - LUẬT KINH TẾ	3,88	1,00	4,88	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
4	DTE2353801070006	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	20/01/2005	K20 - LUẬT KINH TẾ	3,81	1,00	4,81	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
5	DTE2353801070080	Nguyễn Phương	Thảo	31/07/2005	K20 - LUẬT KINH TẾ	3,88	0,90	4,78	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
6	DTE2353801070026	Phạm Hoàng	Linh	17/11/2005	K20 - LUẬT KINH TẾ	3,69	1,00	4,69	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
7	DTE2353801070003	Trần Trung	Anh	02/02/2005	K20 - LUẬT KINH TẾ	3,69	1,00	4,69	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
8	DTE2353404030014	Dương Thị	Mai	20/04/2005	K20 - QUẢN LÝ KINH TẾ	3,69	0,95	4,64	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
9	DTE2353404030011	Nông Thị Anh	Lộc	02/06/2005	K20 - QUẢN LÝ KINH TẾ	3,69	0,93	4,62	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
		Cộng I										**73.275.000**	
		II - KHÓA 21											
1	DTE2453404040119	Vi Thị Phương	Dung	01/09/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	4,00	0,91	4,91	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
2	DTE2453404040102	Hà Thu	Trang	21/12/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	4,00	0,90	4,90	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
3	DTE2453404040032	Nguyễn Thu	Hiền	18/11/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,88	0,93	4,81	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
4	DTE2453404040104	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/11/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC A	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
5	DTE2453404040146	Hà Thị Quỳnh	Trang	05/07/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
6	DTE2453404040098	Phan Thị	Thu	20/11/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,82	0,89	4,71	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
7	DTE2453801070040	Lê Duy	Hùng	31/10/2006	K21 - LUẬT KINH TẾ B	3,67	1,00	4,67	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
8	DTE2453801070112	Nguyễn Quỳnh	Hương	18/09/2006	K21 - LUẬT KINH TẾ B	3,67	1,00	4,67	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
9	DTE2453404040127	Hoàng Thanh	Huế	16/10/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,71	0,90	4,61	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
10	DTE2453404040089	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	07/09/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,71	0,90	4,61	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
11	DTE2453801070017	Nguyễn Thị Kiều	Chuyên	20/11/2006	K21 - LUẬT KINH TẾ B	3,67	0,90	4,57	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
12	DTE2453801070117	Ma Thanh	Trúc	02/03/2005	K21 - LUẬT KINH TẾ B	3,67	0,90	4,57	Khá	1.750.000	5	8.750.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
13	DTE2453404040052	Nguyễn Thị Thanh	Lệ	09/06/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
14	DTE2453404040042	Dương Thanh	Huyền	09/12/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
15	DTE2453404040140	Tạ Thị	Thu	15/08/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
16	DTE2453801070154	Sùng Huyền	Chi	30/07/2006	K21 - LUẬT KINH TẾ C	3,67	0,85	4,52	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
17	DTE2453404040136	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	30/08/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,60	0,90	4,50	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
18	DTE2453404040054	Dương Thị Mỹ	Linh	31/08/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,60	0,90	4,50	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
19	DTE2453404040027	Hà Thị Thanh	Hải	02/04/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,53	0,97	4,50	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
20	DTE2453801070060	Nguyễn Hải	Ly	23/09/2006	K21 - LUẬT KINH TẾ A	3,50	0,95	4,45	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
21	DTE2453801070057	Đỗ Thị	Ly	24/01/2006	K21 - LUẬT KINH TẾ A	3,50	0,93	4,43	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
22	DTE2453404040004	Thạch Thị Minh	Anh	11/01/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC B	3,53	0,89	4,42	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
23	DTE2453404040029	Dương Thị	Hằng	11/02/2006	K21 - QUẢN TRỊ NHÂN LỰC A	3,53	0,89	4,42	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
		Cộng II										**205.250.000**	
		III - KHÓA 22											
1	DTE2553404040126	Nguyễn Tuệ	Nhi	02/05/2007	K22 - Quản trị nhân lực 7	4,00	0,98	4,98	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
2	DTE2553801070156	Nguyễn Phúc	Minh	29/12/2007	K22 - Luật kinh tế 3	4,00	0,90	4,90	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
3	DTE2553404040399	Vũ Lệ	Thủy	29/10/2007	K22 - Quản trị nhân lực 6	4,00	0,90	4,90	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
4	DTE2553404040336	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	16/05/2007	K22 - Quản trị nhân lực 7	4,00	0,90	4,90	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	9.09
5	DTE2553404040316	Nguyễn Việt	Anh	16/10/2007	K22 - Quản trị nhân lực 6	4,00	0,90	4,90	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	8.97
6	DTE2553404040273	Nguyễn Thị	Thơ	15/08/2007	K22 - Quản trị nhân lực 4	4,00	0,85	4,85	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
7	DTE2553404040230	Nguyễn Hữu	Hùng	23/07/2007	K22 - Quản trị nhân lực 4	3,88	0,92	4,80	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
8	DTE2553404040149	Bùi Phương	Thảo	26/07/2007	K22 - Quản trị nhân lực 1	3,82	0,95	4,77	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
9	DTE2553801070080	Lê Thị Hồng	Ngọc	20/12/2007	K22 - Luật kinh tế 1	3,82	0,94	4,76	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
10	DTE2553801070061	Nguyễn Thị Lan	Anh	31/05/2007	K22 - Luật kinh tế 2	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
11	DTE2553404040387	Phạm Hà	Anh	06/02/2007	K22 - Quản trị nhân lực 6	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
12	DTE2553404040429	Chu Thị Thùy	Linh	12/03/2007	K22 - Quản trị nhân lực 7	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
13	DTE2553404040029	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	25/06/2007	K22 - Quản trị nhân lực 2	3,82	0,90	4,72	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	8.82
14	DTE2553404040324	Hoàng Thị	Hạnh	15/05/2007	K22 - Quản trị nhân lực 5	3,82	0,90	4,72	Khá	1.750.000	5	8.750.000	8.69
15	DTE2553801070140	Diệp Thuỳ	Ninh	22/04/2007	K22 - Luật kinh tế 2	3,82	0,90	4,72	Khá	1.750.000	5	8.750.000	8.69
16	DTE2553404040204	Tạ Thị	Duyên	10/11/2007	K22 - Quản trị nhân lực 4	3,82	0,85	4,67	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
17	DTE2553404040058	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	15/11/2007	K22 - Quản trị nhân lực 1	3,71	0,92	4,63	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
18	DTE2553801070168	Nguyễn Thế	Anh	04/07/2004	K22 - Luật kinh tế 2	3,71	0,90	4,61	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
19	DTE2553404040246	Nguyễn Phương	Loan	06/09/2007	K22 - Quản trị nhân lực 2	3,71	0,90	4,61	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
20	DTE2553404040176	Hà Ánh	Tuyết	04/08/2007	K22 - Quản trị nhân lực 2	3,71	0,90	4,61	Khá	1.750.000	5	8.750.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
21	DTE2553404040222	Nguyễn Thu	Hoài	30/11/2007	K22 - Quản trị nhân lực 6	3,65	0,92	4,57	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
22	DTE2553404040089	Lê Ngọc	Linh	20/05/2007	K22 - Quản trị nhân lực 2	3,65	0,91	4,56	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
23	DTE2553404040320	Dương Thị Ngọc	Diệp	19/01/2007	K22 - Quản trị nhân lực 5	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
24	DTE2553404040340	Nguyễn Thị	Nga	20/10/2007	K22 - Quản trị nhân lực 5	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
25	DTE2553404040294	Đỗ Hoàng	Yến	29/11/2007	K22 - Quản trị nhân lực 6	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
26	DTE2553404040150	Hoàng Thanh	Thảo	29/11/2007	K22 - Quản trị nhân lực 3	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
27	DTE2553404040349	Phạm Hoài	Thu	07/10/2007	K22 - Quản trị nhân lực 5	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
28	DTE2553404040341	Nông Thị Hiền	Nhi	08/04/2007	K22 - Quản trị nhân lực 5	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
29	DTE2553404040054	Hoàng Thị	Huệ	05/10/2007	K22 - Quản trị nhân lực 6	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
30	DTE2553404040290	Nguyễn Thu	Vân	05/10/2007	K22 - Quản trị nhân lực 7	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
31	DTE2553404040288	Trương Ánh	Tuyết	18/01/2007	K22 - Quản trị nhân lực 7	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
32	DTE2553404040248	Nguyễn Hoàng Khánh	Ly	06/03/2007	K22 - Quản trị nhân lực 4	3,65	0,85	4,50	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
33	DTE2553801070100	Bùi Phương	Chi	03/11/2007	K22 - Luật kinh tế 3	3,47	1,00	4,47	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
34	DTE2553404040394	Phạm Thị Thanh	Huyền	21/01/2007	K22 - Quản trị nhân lực 6	3,57	0,88	4,45	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
35	DTE2553404040006	Ngô Phương	Anh	05/04/2007	K22 - Quản trị nhân lực 3	3,53	0,90	4,43	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
36	DTE2553404040362	Đào Thị Trà	My	24/12/2007	K22 - Quản trị nhân lực 5	3,47	0,95	4,42	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
37	DTE2553404040383	Lê Thị Vàng	Anh	12/09/2007	K22 - Quản trị nhân lực 7	3,47	0,93	4,40	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
38	DTE2553404040051	Tạ Thị	Hồng	15/04/2007	K22 - Quản trị nhân lực 2	3,53	0,87	4,40	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
39	DTE2553404040164	Dương Kiều	Trang	29/11/2007	K22 - Quản trị nhân lực 7	3,53	0,86	4,39	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
40	DTE2553404040004	Tạ Thị Ngọc	Ánh	10/12/2007	K22 - Quản trị nhân lực 1	3,47	0,90	4,37	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
41	DTE2553404040088	Phạm Trần Thùy	Linh	08/08/2007	K22 - Quản trị nhân lực 3	3,47	0,90	4,37	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
42	DTE2553801070051	Lưu Quốc	Trung	15/09/2005	K22 - Luật kinh tế 1	3,47	0,90	4,37	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
43	DTE2553801070130	Đào Phương	Dung	25/09/2007	K22 - Luật kinh tế 2	3,47	0,90	4,37	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
44	DTE2553801070046	Nguyễn Kim	Thảo	21/06/2007	K22 - Luật kinh tế 3	3,47	0,90	4,37	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
45	DTE2553404040026	Nguyễn Vân	Dung	16/09/2007	K22 - Quản trị nhân lực 3	3,47	0,90	4,37	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
		Cộng III										**402.250.000**	
		Tổng cộng (I + II + III)										**680.775.000**	

(Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Danh sách gồm 77 sinh viên

Học bổng loại Xuất sắc: 7 sinh viên
Học bổng loại Giỏi: 14 sinh viên
Học bổng loại Khá: 56 sinh viên
Cộng **77 sinh viên**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027
KHOA MARKETING VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 20											
1	DTE2353401150086	Phùng Thị Kim	Lan	11/09/2004	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING B	4,00	1,00	5,00	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000	
2	DTE2353401150065	Phạm Minh	Hoàng	04/10/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING A	4,00	0,97	4,97	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000	
3	DTE2353401150026	Bàn Văn	Chung	20/05/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING B	4,00	0,90	4,90	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
4	DTE2353401150215	Nguyễn Quỳnh	Hoa	06/08/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING C	3,88	0,96	4,84	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
5	DTE2353401150095	Nguyễn Thị Khánh	Linh	05/11/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3,81	1,00	4,81	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
6	DTE2353401150150	Bàn Thị	Thắm	19/02/2004	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING A	3,88	0,90	4,78	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
7	DTE2353401150013	Hoàng Lan	Anh	16/11/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3,88	0,90	4,78	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
8	DTE2358101030046	Vàng Thị	Út	07/08/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,87	0,91	4,78	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
9	DTE2353401150138	Nguyễn Văn	Quang	19/02/2004	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING C	3,81	0,96	4,77	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
10	DTE2353401150131	Bùi Hồng	Phúc	20/01/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING A	3,81	0,96	4,77	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
11	DTE2358101030034	Lưu Bích	Xuân	29/12/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,87	0,88	4,75	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
12	DTE2358101030005	Nguyễn Thị Thái	Hà	20/01/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,80	0,91	4,71	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
13	DTE2358101030023	Trần Thị Thu	Phương	10/12/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,87	0,83	4,70	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
14	DTE2353401150210	Ma Thị Phương	Anh	01/08/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING C	3,81	0,88	4,69	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
15	DTE2353401150033	Phùng Văn	Duy	30/07/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3,69	0,98	4,67	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
16	DTE2353401150125	Đồng Thị Huyền	Nhi	19/12/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3,63	1,00	4,63	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
17	DTE2358101030022	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	24/01/2005	K20 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,80	0,83	4,63	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
18	DTE2353401150192	Quách Thành	Đạt	21/06/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING B	3,75	0,87	4,62	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
19	DTE2353401150077	Nguyễn Thu	Hương	31/08/2005	K20 - QUẢN TRỊ MARKETING C	3,63	0,98	4,61	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
		Cộng I										**155.025.000**	
		II - KHÓA 21 (MKT)											
1	DTE2453401150227	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/01/2006	K21 - DIGITAL MARKETING A	4,00	0,99	4,99	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
2	DTE2453401150047	Tạ Thị	Duyên	19/04/2006	K21 - DIGITAL MARKETING A	3,82	0,90	4,72	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
3	DTE2453401150144	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	24/04/2006	K21 - QUẢN TRỊ MARKETING	3,82	0,84	4,66	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
4	DTE2453401150158	Nguyễn Thị	Phượng	04/03/2006	K21 - QUẢN TRỊ MARKETING	3,65	1,00	4,65	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
5	DTE2453401150049	Vũ Thị Hương	Giang	25/03/2006	K21 - QUẢN TRỊ MARKETING	3,65	0,88	4,53	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
6	DTE2453401150288	Trần Thị Minh	Tuyết	06/02/2006	K21 - QUẢN TRỊ MARKETING	3,65	0,82	4,47	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
7	DTE2453401150118	Hoàng Thùy	Linh	22/07/2006	K21 - DIGITAL MARKETING B	3,65	0,81	4,46	Khá	1.556.000	5	7.780.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
8	DTE2453401150057	Nguyễn Nhật	Hạ	01/06/2006	K21 - DIGITAL MARKETING A	3,47	0,97	4,44	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
9	DTE2453401150186	Trần Thị	Thơ	01/10/2006	K21 - QUẢN TRỊ MARKETING	3,53	0,90	4,43	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
10	DTE2453401150239	Vũ Mạnh	Dũng	09/05/2006	K21 - DIGITAL MARKETING B	3,47	0,93	4,40	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
11	DTE2453401150027	Ngô Minh	Châu	30/04/2006	K21 - QUẢN TRỊ MARKETING	3,35	0,95	4,30	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
12	DTE2453401150221	Nguyễn Yến	Vi	25/12/2006	K21 - QUẢN TRỊ MARKETING	3,47	0,82	4,29	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
13	DTE2453401150016	Lương Thị Ngọc	Ánh	27/09/2006	K21 - DIGITAL MARKETING B	3,47	0,82	4,29	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
14	DTE2453401150039	Ma Ly	Dung	09/11/2005	K21 - DIGITAL MARKETING A	3,47	0,81	4,28	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
15	DTE2453403010234	Nguyễn Thị	Thuý	24/09/2006	K21 - DIGITAL MARKETING A	3,33	0,95	4,28	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
16	DTE2453401150154	Ma Thị Hương	Nhung	26/06/2005	K21 - QUẢN TRỊ MARKETING	3,29	0,98	4,27	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
17	DTE2453401150008	Dương Ngọc	Ánh	21/11/2006	K21 - DIGITAL MARKETING B	3,47	0,78	4,25	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
18	DTE2453401150169	Lê Thị Mỹ	Quyên	22/05/2006	K21 - QUẢN TRỊ MARKETING	3,35	0,90	4,25	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
19	DTE2453401150120	Nguyễn Thùy	Linh	31/05/2006	K21 - DIGITAL MARKETING A	3,29	0,90	4,19	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
20	DTE2453401150197	Nguyễn Diệu	Thùy	04/09/2006	K21 - DIGITAL MARKETING A	3,29	0,90	4,19	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
21	DTE2453401150006	Dương Thị Ngọc	Anh	15/03/2006	K21 - DIGITAL MARKETING A	3,29	0,87	4,16	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
		Cộng II										**167.380.000**	
		III - KHÓA 21 (DLLH)											
1	DTE2458101030041	Đào Bích	Ngọc	01/05/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,63	0,90	4,53	Xuất sắc	1.800.000	5	9.000.000	8.73
2	DTE2458101030040	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	19/01/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,63	0,90	4,53	Giỏi	1.700.000	5	8.500.000	8.62
3	DTE2458101030075	Nguyễn Thị Bảo	Châm	09/10/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,63	0,90	4,53	Khá	1.600.000	5	8.000.000	8.57
4	DTE2458101030045	Hà Thị	Nội	21/06/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,63	0,80	4,43	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
5	DTE2458101030080	Hoàng Lệ	Nhật	29/06/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,44	0,90	4,34	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
6	DTE2458101030017	Trần Thanh	Hoài	03/09/2006	K21 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	3,44	0,85	4,29	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
		Cộng III										**49.500.000**	
		IV - KHÓA 22 (MKT)											
1	DTE2553401150213	Triệu La	Lôi	29/07/2007	K22 - Marketing 6	4,00	0,99	4,99	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
2	DTE2553401150191	Dương Thị	Hiền	03/04/2007	K22 - Marketing 4	4,00	0,94	4,94	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	
3	DTE2553401150115	Hứa Thị	Quỳnh	07/09/2007	K22 - Marketing 6	4,00	0,90	4,90	Xuất sắc	1.756.000	5	8.780.000	9.36
4	DTE2553401150129	Nguyễn Thị Minh	Thư	09/08/2007	K22 - Marketing 6	4,00	0,90	4,90	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	9.29
5	DTE2553401150208	Phan Khánh	Linh	19/12/2007	K22 - Marketing 6	3,82	0,98	4,80	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
6	DTE2553401150381	Hoàng Ngọc	Ánh	12/07/2007	K22 - Marketing 6	3,82	0,98	4,80	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
7	DTE2553401150190	Nguyễn Thị Minh	Hậu	13/08/2007	K22 - Marketing 3	3,84	0,92	4,76	Giỏi	1.656.000	5	8.280.000	
8	DTE2553401150078	Hoàng Thị	Luyến	25/12/2007	K22 - Marketing 6	3,88	0,85	4,73	Khá	1.656.000	5	8.280.000	
9	DTE2553401150229	Đỗ Mai Yến	Nhi	26/11/2007	K22 - Marketing 2	3,82	0,90	4,72	Khá	1.656.000	5	8.280.000	
10	DTE2553401150189	Nguyễn Nhật	Hào	25/05/2007	K22 - Marketing 6	3,82	0,90	4,72	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
11	DTE2553401150292	Nguyễn Thúy	Hường	23/04/2007	K22 - Marketing 5	3,71	1,00	4,71	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
12	DTE2553401150242	Dương Thị Thanh	Thảo	11/09/2007	K22 - Marketing 4	3,88	0,80	4,68	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
13	DTE2553401150131	Tạ Thị Hà	Thu	18/10/2007	K22 - Marketing 6	3,82	0,85	4,67	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
14	DTE2553401150361	Nguyễn Thị	Ninh	27/09/2006	K22 - Marketing 3	3,82	0,85	4,67	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
15	DTE2553401150002	Nguyễn Viết Đức	Anh	19/05/2007	K22 - Marketing 6	3,65	0,98	4,63	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
16	DTE2553401150341	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/05/2007	K22 - Marketing 3	3,82	0,80	4,62	Khá	1.556.000	5	7.780.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
17	DTE2553401150083	Trần Thị Hương	Ly	11/03/2007	K22 - Marketing 2	3,82	0,80	4,62	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
18	DTE2553401150217	Lô Thị Khánh	Ly	15/02/2007	K22 - Marketing 6	3,71	0,90	4,61	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
19	DTE2553401150244	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/07/2007	K22 - Marketing 2	3,65	0,93	4,58	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
20	DTE2553401150269	Nguyễn Thị Lan	Phương	18/10/2007	K22 - Marketing 6	3,65	0,90	4,55	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
21	DTE2553401150239	Đặng Ngọc	Quỳnh	21/10/2007	K22 - Marketing 6	3,65	0,90	4,55	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
22	DTE2553401150300	Đào Thùy	Linh	27/10/2007	K22 - Marketing 5	3,71	0,80	4,51	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
23	DTE2553401150151	Nguyễn Thị Uyên	Trang	22/12/2007	K22 - Marketing 2	3,71	0,80	4,51	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
24	DTE2553401150185	Dương Thị Hương	Giang	15/06/2007	K22 - Marketing 4	3,65	0,84	4,49	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
25	DTE2553401150130	Phạm Anh	Thư	19/08/2007	K22 - Marketing 3	3,47	1,00	4,47	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
26	DTE2553401150010	Lương Thị Ngọc	Ánh	15/09/2007	K22 - Marketing 2	3,65	0,80	4,45	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
27	DTE2553401150175	Hoàng Thị Phương	Anh	29/12/2007	K22 - Marketing 4	3,65	0,80	4,45	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
28	DTE2553401150087	Nguyễn Ngọc	Minh	26/10/2007	K22 - Marketing 3	3,65	0,80	4,45	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
29	DTE2553401150109	Nguyễn Tố	Như	24/12/2007	K22 - Marketing 1	3,53	0,90	4,43	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
30	DTE2553401150360	Lương Thị Ngọc	Điệp	12/03/2007	K22 - Marketing 1	3,53	0,90	4,43	Khá	1.556.000	5	7.780.000	
31	DTE2553401150064	Phạm Thị Khánh	Linh	15/05/2007	K22 - Marketing 2	3,65	0,75	4,40	Khá	1.556.000	5	7.780.000	8.85
		Cộng IV										**247.180.000**	
		V - KHÓA 22 (ĐLLH)											
1	DTE2558101030074	Hoàng Minh	Chuyên	09/08/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	3,71	0,99	4,70	Xuất sắc	1.800.000	5	9.000.000	
2	DTE2558101030021	Nguyễn Ngọc Kỳ	Duyên	10/10/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 1	3,65	0,99	4,64	Giỏi	1.700.000	5	8.500.000	
3	DTE2558101030056	Nguyễn Anh	Thái	21/07/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 1	3,53	1,00	4,53	Giỏi	1.700.000	5	8.500.000	
4	DTE2558101030029	Trần Thị Diệu	Hồng	16/08/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 1	3,57	0,85	4,42	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
5	DTE2558101030199	Lương Thu	Hà	19/08/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 05	3,47	0,91	4,38	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
6	DTE2558101030187	Vương Thị	Luyến	18/03/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 05	3,47	0,91	4,38	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
7	DTE2558101030185	Bôn Thị	Linh	01/02/2006	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 05	3,35	0,91	4,26	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
8	DTE2558101030196	Lê Thị Hồng	Đào	28/11/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 05	3,47	0,76	4,23	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
9	DTE2558101030188	Dinh Thị	Mỷ	14/01/2006	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 05	3,29	0,91	4,20	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
10	DTE2558101030181	Tản Thị Thu	Hà	23/02/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 05	3,29	0,91	4,20	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
11	DTE2558101030013	Trần Văn	Cương	13/06/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 1	3,35	0,80	4,15	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
12	DTE2558101030134	Đặng Thị	Thu	16/06/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	3,18	0,94	4,12	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
13	DTE2558101030078	Trần Vân	Dương	24/12/2007	K22 - Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	3,29	0,81	4,10	Khá	1.600.000	5	8.000.000	
		Cộng V										**106.000.000**	
		Tổng cộng (I + II + III + IV + V)										**725.085.000**	

(Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

Danh sách gồm 90 sinh viên

Học bổng loại Xuất sắc: 9 sinh viên
Học bổng loại Giỏi: 14 sinh viên
Học bổng loại Khá: 67 sinh viên
Cộng **90 sinh viên**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027
KHOA NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		I - KHÓA 20											
1	DTE2353402010024	Ngô Yến	Hà	21/06/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	4,00	1,00	5,00	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000	
2	DTE2353402010097	Hoàng Hoài	Thu	27/09/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3,88	1,00	4,88	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
3	DTF207220204175	Hoàng Kim	Liên (N2)	26/06/2000	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	4,00	0,80	4,80	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000	
4	DTE2353402010101	Dương Thị	Thủy	02/06/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3,81	0,98	4,79	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
5	DTE2353402010122	Nguyễn Thanh	Lam	06/02/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3,81	0,90	4,71	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
6	DTE2353402010026	Đặng Thị Thu	Hà	07/12/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3,88	0,83	4,71	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
7	DTE2353402010036	Nguyễn Thu	Hoài	18/02/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3,88	0,82	4,70	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
8	DTE2353402010050	Dương Trọng	Khôi	06/08/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3,88	0,80	4,68	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
9	DTE2353402010002	Đinh Thùy	Linh	01/11/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3,69	0,98	4,67	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
10	DTE2353402010011	Hoàng Thị Phương	Anh	24/09/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3,63	1,00	4,63	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
11	DTE2353402010029	Đặng Thị Thanh	Hằng	24/06/2005	K20 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3,81	0,82	4,63	Khá	1.595.000	5	7.975.000	
		Cộng I										**89.725.000**	
		II - KHÓA 21											
1	DTE2453402010072	Nguyễn Thị Hồng	Mai	17/05/2006	K21 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	3,83	1,00	4,83	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	8,85
2	DTE2453402010161	Hà Thị	Trang	27/02/2006	K21 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	3,83	1,00	4,83	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	8,55
3	DTE2453402010053	Doãn Liên	Hương	05/03/2006	K21 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	3,83	0,95	4,78	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
4	DTE2453402010001	Nguyễn Minh	An	03/10/2006	K21 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	3,60	1,00	4,60	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
5	DTE2453402010186	Nguyễn Thành	Trung	23/12/2006	K21 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	3,67	0,90	4,57	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
6	DTE2453402010091	Trần Thị Yến	Nhi	11/12/2006	K21 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	3,67	0,90	4,57	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
7	DTE2453402010195	Phan Thị Hoài	Phương	19/01/2006	K21 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	3,50	1,00	4,50	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
8	DTE2453402010019	Nguyễn Ngọc	Anh	04/11/2006	K21 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	3,50	1,00	4,50	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
9	DTE2453402010021	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	20/06/2006	K21 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	3,50	0,90	4,40	Khá	1.750.000	5	8.750.000	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
10	DTE2453402010097	Đặng Thị	Phượng	31/01/2006	K21 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	3,50	0,90	4,40	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
11	DTE2453402010117	Đinh Thị	Thúy	10/08/2006	K21 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	3,50	0,88	4,38	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
12	DTE2453402010065	Đặng Thùy	Linh	06/02/2006	K21 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	3,38	0,99	4,37	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
13	DTE2453402010086	Đặng Bích	Ngọc	13/01/2006	K21 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	3,33	0,90	4,23	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
14	DTE2453402010162	Bàn Mùi	Chuổng	25/04/2006	K21 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	3,33	0,90	4,23	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
		Cộng II										**125.000.000**	
		III - KHÓA 22											
1	DTE2553402010061	Vũ Thị	Nga	12/09/1999	K22 - Tài chính - Ngân hàng 1	4,00	0,93	4,93	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
2	DTE2553402010150	Phạm Thu	Hà	26/06/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 3	4,00	0,92	4,92	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000	
3	DTE2553402010093	Nguyễn Quang	Tùng	02/03/2003	K22 - Tài chính - Ngân hàng 2	4,00	0,90	4,90	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
4	DTE2553402010113	Phan Ngọc	Linh	25/12/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 2	3,82	1,00	4,82	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
5	DTE2553402010175	Lê Hà	Vi	04/10/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 3	3,82	0,98	4,80	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000	
6	DTE2553402010152	Phạm Mai	Hoa	17/04/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 4	3,82	0,95	4,77	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
7	DTE2553402010249	Bùi Thị Ngọc	Lan	13/11/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 1	3,82	0,92	4,74	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
8	DTE2553402010191	Vũ Thảo	Nguyên	12/08/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 3	3,82	0,92	4,74	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
9	DTE2553402010045	Trịnh Thùy	Linh	04/03/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 4	3,82	0,90	4,72	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
10	DTE2553402010214	Phạm Thị Như	Quỳnh	25/01/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 3	3,82	0,90	4,72	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
11	DTE2553402010066	Nguyễn Thảo	Nguyên	18/11/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 2	3,65	1,00	4,65	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
12	DTE2553402010154	Từ Thị	Hường	22/12/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 3	3,71	0,84	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
13	DTE2553402010106	Hoàng Thúy	Hiền	06/02/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 2	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
14	DTE2553402010135	Ngô Linh	Thư	08/10/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 2	3,65	0,90	4,55	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
15	DTE2553402010132	Hà Như	Quỳnh	14/07/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 2	3,65	0,85	4,50	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
16	DTE2553402010115	Nguyễn Hồng	Linh	13/10/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 2	3,47	1,00	4,47	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
17	DTE2553402010199	Đỗ Thu	Hoài	17/06/2007	K22 - Tài chính - Ngân hàng 3	3,53	0,85	4,38	Khá	1.750.000	5	8.750.000	
		Cộng III										**152.250.000**	
		Tổng cộng (I + II + III)										**366.975.000**	

(Bằng chữ: Ba trăm sáu sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Danh sách gồm 42 sinh viên

Học bổng loại Xuất sắc:	4 sinh viên
Học bổng loại Giỏi:	8 sinh viên
Học bổng loại Khá:	30 sinh viên
Cộng	**42 sinh viên**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027
VIỆN QUỐC TẾ GIÁO DỤC VÀ ĐỔI MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)
		I - KHÓA 19										
1	DTE2253403010365	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	09/12/2004	K19 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	4,00	0,96	4,96	Xuất sắc	1.880.000	5	9.400.000
2	DTE2253403010042	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	25/12/2004	K19 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	3,78	1,00	4,78	Giỏi	1.780.000	5	8.900.000
3	DTE2253403010107	Nguyễn Thị Minh	Quý	12/07/2004	K19 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	3,78	0,99	4,77	Khá	1.680.000	5	8.400.000
4	DTE2253401010231	Chu Thị Ngọc	Lan	21/10/2004	K19 Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	3,75	1,00	4,75	Khá	1.680.000	5	8.400.000
5	DTE2253402010099	Trương Thị	Quỳnh	12/09/2004	K19 - Tài chính Chất lượng cao	3,75	1,00	4,75	Khá	1.680.000	5	8.400.000
6	DTE2253403010285	Lê Thị Thanh	Thu	13/10/2004	K19 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	3,78	0,83	4,61	Khá	1.680.000	5	8.400.000
7	DTE2253403010408	Nguyễn Thị	Ngọc	12/05/2003	K19 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	3,78	0,82	4,60	Khá	1.680.000	5	8.400.000
		Cộng I										**60.300.000**
		II - KHÓA 20										
1	DTE2353401150203	Nguyễn Thị Thu	Hiền	11/03/2005	K20 - Quản trị Marketing (Tiếng Anh)	3,80	0,93	4,73	Xuất sắc	1.795.000	5	8.975.000
2	DTE2353401150201	Ngô Huy	Cường	03/08/2005	K20 - Quản trị Marketing (Tiếng Anh)	3,80	0,86	4,66	Giỏi	1.695.000	5	8.475.000
3	DTE2353401150230	Nguyễn Thị	Ngọc	13/05/2005	K20 - Quản trị Marketing (Tiếng Anh)	3,80	0,82	4,62	Khá	1.595.000	5	7.975.000
4	DTE2353402010025	Nguyễn Thu	Hà	15/02/2005	K20 - Tài chính (Tiếng Anh)	3,60	0,92	4,52	Khá	1.595.000	5	7.975.000
5	DTE2353402010060	Nguyễn Thị Thùy	Linh	23/09/2005	K20 - Tài chính (Tiếng Anh)	3,40	1,00	4,40	Khá	1.595.000	5	7.975.000
6	DTE2353401010240	Nguyễn Thị Phương	Anh	27/06/2005	K20 - Quản trị kinh doanh (Tiếng Anh)	3,40	1,00	4,40	Khá	1.595.000	5	7.975.000
		Cộng II										**49.350.000**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 1251/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV
Ngày ban hành: 14/10/2026

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện (quy đổi)	Điểm TBCMR	Loại học bổng	Mức HB/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)
		III - KHÓA 21										
1	DTE2453401150238	Bùi Phương	Doanh	12/06/2006	K21 - Quản trị Marketing (Tiếng Anh)	3,78	0,96	4,74	Xuất sắc	1.950.000	5	9.750.000
2	DTE2453402010044	Dương Thị	Hiền	27/10/2006	K21 - Tài chính (Tiếng Anh)	3,71	0,81	4,52	Giỏi	1.850.000	5	9.250.000
3	DTE2453401150183	Nông Thị Phương	Thảo	16/11/2006	K21 - Quản trị Marketing (Tiếng Anh)	3,44	0,90	4,34	Khá	1.750.000	5	8.750.000
4	DTE2453401010196	Lê Thị Thu	Hương	28/01/2006	K21 - Quản trị kinh doanh (Tiếng Anh)	3,33	1,00	4,33	Khá	1.750.000	5	8.750.000
5	DTE2453401150003	Nguyễn Thị	Ánh	02/07/2006	K21 - Quản trị Marketing (Tiếng Anh)	3,44	0,81	4,25	Khá	1.750.000	5	8.750.000
6	DTE2453402010029	Nguyễn Lan	Chi	30/08/2004	K21 - Tài chính (Tiếng Anh)	3,44	0,81	4,25	Khá	1.750.000	5	8.750.000
7	DTE2453401150234	Doãn Thị Lan	Anh	14/06/2006	K21 - Quản trị Marketing (Tiếng Anh)	3,33	0,82	4,15	Khá	1.750.000	5	8.750.000
		Cộng III										**62.750.000**
		Tổng cộng (I + II + III)										**172.400.000**

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.

Danh sách gồm 20 sinh viên

Học bổng loại Xuất sắc: 3 sinh viên

Học bổng loại Giỏi: 3 sinh viên

Học bổng loại Khá: 14 sinh viên

Cộng **20 sinh viên**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Đại học Thái Nguyên. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm